TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y **TỈNH T**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 13.01.2023
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thuỷ

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thu Hà;

Bà Đặng Thị Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Hạnh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Tg tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Trà My - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 240/2022/TLST-HNGĐ, ngày 09/11/2022 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2022/QĐXXST-DS, ngày 22/12/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị H, sinh năm: 1974;

Trú tại: Tổ 13, thị trấn B, huyện C, tỉnh B

Bị đơn: Anh Bùi Quang T**,** sinh năm 1974;

Trú tại: Tổ dân phố T, huyện Y, tỉnh T.

Chị Hà Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Bùi Quang T vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai chị Hà Thị H trình bày: Chị và anh Bùi Quang T quen biết, tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân, ngày 08/7/2014 đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh T. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống tại Thôn 11, xã T, huyện Y, tỉnh T vài ba tháng xong anh chị đi làm ăn tại thị trấn B, huyện C, tỉnh B, có thời gian đi làm cả ở huyện B, tỉnh H. Vợ chồng xảy ra mâu thuẫn từ năm 2021 do vướng mắc về kinh tế, vợ chồng không thống nhất được công việc làm ăn, không ai tôn trọng ai. Vợ chồng đã sống ly thân, anh T đã về nhà tại Thôn 11, xã T, huyện Y, tỉnh T (nay

là tổ dân phố T, huyện Y, tỉnh T để ở. Nay chị xác định không còn tình cảm, chị xin ly hôn với anh Bùi Quang T.

Về con chung: Chị và anh Bùi Quang T không có con chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về vay nợ chung: Chị và anh Bùi Quang T không vay nợ chung của ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu toà án giải quyết.

Qúa trình giải quyết vụ án Toà án đã thông báo các văn bản tố tụng cho anh Bùi Quang T biết và báo chị H, anh T đến Toà án để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, chị H đến Toà án để giải quyết vụ án, anh T không đến để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải. Anh Bùi Quang T đề nghị Toà án lấy lời khai, Toà án đã tiến hành lấy lời khai anh T trình bày quan điểm về quan hệ hôn nhân: Anh nhất trí ly hôn; Về con chung anh chị không có con chung; Tài sản chung anh chị tự thoả thuận; Vay nợ chung không có không đề nghị Toà án giải quyết, anh T nhất trí T bộ các nội dung.

Kết quả xác minh xác định: Anh Bùi Quang T có hộ khẩu tại tổ dân phố T, huyện Y, tỉnh T. Anh Bùi Quang T và chị Hà Thị H có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trong cuộc sống anh chị không hạnh phúc, nguyên nhân do kinh tế, không thống nhất được trong việc làm ăn, buôn bán, vợ chồng đã sống ly thân. Nay chị Hà Thị H xin ly hôn Toà án giải quyết theo pháp luật; Về con chung: Chị Hà Thị H và anh Bùi Quang T không có con chung; Về tài sản chung, vay nợ chung: Đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS), xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành tống đạt các văn bản cho đương sự, gửi cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định.

Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS, bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của BLTTDS.

Về nội dung: Đề nghị xử cho chị Hà Thị H được ly hôn với anh Bùi Quang T; Về con chung: Anh chị không có con chung; Tài sản chung: Anh T, chị H tự thoả thuận; Vay nợ chung: Không có.

Chị Hà Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Chị Hà Thị H, anh Bùi Quang T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Tòa án nhận định:

[1]. Anh Bùi Quang T cư trú tại Tổ dân phố T, huyện Y, tỉnh T. Chị Hà Thị H có đơn khởi kiện ly hôn anh Bùi Quang T. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của

Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh T theo quy định của các Điều 28, 35 và Điều 39 BLTTDS.

[2]. Vụ án không tiến hành hoà giải được vì bị đơn không đến Tòa án để tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải. Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử, tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho chị Hà Thị H và anh Bùi Quang T nhưng anh Bùi Quang T vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án quyết định hoãn phiên tòa, tống đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa cho chị Hà Thị H và anh Bùi Quang T nhưng anh T vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 BLTTDS Toà án xét xử vụ án.

[3]. Hôn nhân của chị Hà Thị H và anh Bùi Quang T trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trong cuộc sống anh chị không hạnh phúc, không tìm thấy tiếng nói chung. Chị Hà Thị H xin ly hôn anh Bùi Quang T. Do đó xác định quan hệ của chị Hà Thị H và anh Bùi Quang T là quan hệ vợ chồng. Cuộc sống chung chị Hà Thị H và anh Bùi Quang T phát sinh mâu thuẫn đã lâu, cuộc sống chung đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị Hà Thị H và anh Bùi Quang T ly hôn.

[4]. Con chung: Chị Hà Thị H và anh Bùi Quang T không có con chung.

[5]. Tài sản chung: Chị Hà Thị H, anh Bùi Quang T tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

[6]. Về vay nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

[7]. Về án phí: Chị Hà Thị H phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình theo quy định của Điều 147 BLTTDS và theo quy định của khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Hà Thị H đã nộp theo biên lai số: 0004290 ngày 09/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh T.

[8]. Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định của Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng: Các Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị H xin ly hôn anh Bùi Quang T.

Tuyên xử:

1. Cho chị Hà Thị H ly hôn anh Bùi Quang T.

2. Về án phí: Chị Hà Thị H phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm hôn nhân, gia đình. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Hà Thị H đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số: 0004290 ngày 09/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh T, chị Hà Thị H đã nộp đủ án phí.

3. Chị Hà Thị H, anh Bùi Quang T có quyền kháng cáo bản án bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh T;
- Viện kiểm sát ND huyện Y;
- Cơ quan Thi hành án DS huyện Y;
- UBND xã Tứ Quận, huyện Y;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Thuỷ